

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-ST
Ngày 04/9/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Út

Ông Phan Văn Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Địa chỉ: Số S, Phường T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thái B, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Kiên Giang. Địa chỉ: Số H, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (Theo giấy ủy quyền số 4049/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018 và giấy ủy quyền số 1789A/2019/GUQ ngày 11/6/2019).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bình: Ông Vũ Ngọc H, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng TMCP S, phòng giao dịch H. Địa chỉ: Số M, khu phố M, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Theo giấy ủy quyền số ngày 12/6/2019. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Cao Hoàng Mỹ D, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số M, đường L, khu phố H, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt).

NỘI D VU ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn trình bày: Vào ngày 04/6/2015, bà Cao Hoàng Mỹ D có ký hợp đồng sử dụng thẻ gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, căn cứ thu nhập của bà D, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà D đã thực hiện các giao dịch từ ngày 30/6/2017 đến ngày 31/3/2018. Tính đến ngày 30/3/2018 bà D còn nợ số tiền thẻ tín dụng là 14.654.000 đồng, ngày 01/4/2018 ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng bà D không thanh toán, đến ngày 06/12/2018 ngân hàng tiến hành khởi kiện, bà D còn nợ số tiền gốc 14.654.000 đồng và lãi quá hạn 4.579.000 đồng. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D thanh toán số nợ này cho Ngân hàng tính đến ngày 04/9/2019 tổng số tiền là 24.215.185 đồng trong đó vốn gốc là 14.653.667 đồng, lãi quá hạn 9.561.518 đồng và yêu cầu tính lãi theo hợp đồng từ ngày 05/9/2019 cho đến khi thanh toán hết số nợ.

Bị đơn bà Cao Hoàng Mỹ D vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà D phải thanh toán cho ngân hàng số tiền 24.215.185 đồng, trong đó vốn gốc 14.653.667 đồng, lãi quá hạn 9.561.518 đồng và lãi suất quá hạn theo hợp đồng từ ngày 05/9/2019 cho đến khi trả hết nợ. Về án phí dân sự sơ thẩm buộc bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật, tranh chấp hợp đồng tín dụng. Trong vụ án này bị đơn bà Cao Hoàng Mỹ D cư trú tại khu phố H, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong thời gian thụ lý giải quyết, bà Cao Hoàng Mỹ D đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập tham gia phiên họp bà D đều vắng mặt, ngày 01/8/2019 Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải, Tòa án ghi nhận ý kiến của Ngân hàng, Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà D. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vào ngày 19/8/2019 nhưng bị đơn vắng

mặt lần thứ nhất không lý do nên phiên tòa phải hoãn và ấn định xét xử lại vào ngày hôm nay là ngày 04/9/2019 theo quyết định hoãn phiên Tòa số 26/2018/QĐST-DS ngày 19/8/2019, bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên Tòa lần 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội D: Xét thấy, khoảng vay cấp hạn mức tín dụng thẻ FAMILY là 20.000.000 đồng, lãi suất 2.5%, lãi quá hạn 3.75%. Sau khi giao dịch, thanh toán một thời gian đến ngày 30/3/2018 số nợ gốc là 14.653.667 đồng đã chuyển sang nợ quá hạn. Cụ thể quá trình giao dịch: Ngày 30/6/2015 giao dịch 5.000.000 đồng, lãi 16.668 đồng, phí thường niên (phí) 200.000 đồng, thanh toán 200.000 đồng, nợ cuối kỳ 5.016.668 đồng; ngày 31/7/2015, nợ đầu kỳ 5.016.668 đồng, giao dịch 4.990.000 đồng, lãi 254.195 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, thanh toán 600.000 đồng, nợ cuối kỳ 9.740.863 đồng; ngày 31/8/2015 nợ đầu kỳ 9.740.863 đồng, lãi 250.490 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, thanh toán 600.000 đồng, nợ cuối kỳ 9.471.353 đồng; ngày 30/9/2015 nợ đầu kỳ 9.471.353 đồng, lãi 237.058 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, nợ cuối kỳ 9.788.411 đồng; ngày 31/10/2015 nợ đầu kỳ 9.788.411 đồng, lãi 239.698 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, thanh toán 600.000 đồng, nợ cuối kỳ 9.508.109 đồng; ngày 30/11/2015 nợ đầu kỳ 9.508.109 đồng, lãi 218.190 đồng, thanh toán 900.000 đồng, nợ cuối kỳ 8.826.299 đồng; ngày 31/12/2015 nợ đầu kỳ 8.826.299 đồng, lãi 226.676 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, thanh toán 500.000 đồng, nợ cuối kỳ 8.632.975 đồng; ngày 31/01/2016 nợ đầu kỳ 8.632.975 đồng, lãi 223.380 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, nợ cuối kỳ 8.936.355 đồng; ngày 29/02/2016 nợ đầu kỳ 8.936.355 đồng, lãi 209.924 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, thanh toán 500.000 đồng, nợ cuối kỳ 8.726.279 đồng; ngày 31/3/2016 nợ đầu kỳ 8.726.279 đồng, lãi 213.676 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, thanh toán 500.000 đồng, nợ cuối kỳ 8.519.955 đồng; ngày 30/4/2016 nợ đầu kỳ 8.519.955 đồng, lãi 202.009 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, thanh toán 500.000 đồng, nợ cuối kỳ 8.301.964 đồng; ngày 31/5/2016 nợ đầu kỳ 8.301.964 đồng, lãi 210.217 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, thanh toán 250.000 đồng, nợ cuối kỳ 8.342.181 đồng; ngày 30/6/2016 nợ đầu kỳ 8.342.181 đồng, lãi 199.594 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, thanh toán 410.000 đồng, nợ cuối kỳ 8.211.775 đồng; ngày 31/7/2016 nợ đầu kỳ 8.211.775 đồng, lãi 205.086 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, phí thường niên (phí) 200.000 đồng, thanh toán 420.000 đồng, nợ cuối kỳ 8.276.861 đồng; ngày 31/8/2016 nợ đầu kỳ 8.276.861 đồng, lãi 202.914 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, thanh toán 500.000 đồng, nợ cuối kỳ 8.059.775 đồng; ngày 30/9/2016 nợ đầu kỳ 8.059.775 đồng, lãi 189.268 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, thanh toán 500.000 đồng, nợ cuối kỳ 7.829.043 đồng; ngày 31/10/2016 nợ đầu kỳ 7.829.043 đồng, giao dịch 10.000.000 đồng, lãi 185.195 đồng, thanh toán 7.850.000 đồng, nợ cuối kỳ 10.164.238 đồng; ngày 30/11/2016 nợ đầu kỳ 10.164.238 đồng, giao dịch 1.489.741 đồng, lãi 255.308 đồng, thanh toán 500.000 đồng, nợ cuối kỳ 11.409.287 đồng; ; ngày 31/12/2016 nợ đầu kỳ 11.409.287 đồng, giao dịch 3.970.383 đồng, lãi 364.571 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, nợ cuối kỳ 15.824.241 đồng; ngày

31/01/2017 nợ đầu kỳ 15.824.241 đồng, lãi 393.376 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, phí 10.000 đồng, thanh toán 700.000 đồng, nợ cuối kỳ 15.607.617 đồng; ngày 28/02/2017 nợ đầu kỳ 15.607.617 đồng, giao dịch 752.878, lãi 361.372 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, phí 10.000 đồng, thanh toán 670.000 đồng, nợ cuối kỳ 16.141.867 đồng; ngày 31/3/2017 nợ đầu kỳ 16.141.867 đồng, lãi 404.682 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, phí 10.000 đồng, thanh toán 800.000 đồng, nợ cuối kỳ 15.836.549 đồng; ngày 30/4/2017 nợ đầu kỳ 15.836.549 đồng, lãi 388.212 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, phí 10.000 đồng, thanh toán 800.000 đồng, nợ cuối kỳ 15.514.761 đồng; ngày 31/5/2017 nợ đầu kỳ 15.514.761 đồng, lãi 401.223 đồng, phí trễ hạn 92.803 đồng, phí 10.000 đồng, nợ cuối kỳ 16.081.787 đồng; ngày 30/6/2017 nợ đầu kỳ 16.081.787 đồng, lãi 372.427 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, phí 10.000 đồng, thanh toán 1.547.000 đồng, nợ cuối kỳ 14.934.214 đồng; ngày 31/7/2017 nợ đầu kỳ 14.934.214 đồng, lãi 368.485 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, phí 210.000 đồng, thanh toán 850.000 đồng, nợ cuối kỳ 14.742.699 đồng; ngày 31/8/2017 nợ đầu kỳ 14.742.699 đồng, lãi 368.937 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, thanh toán 700.000 đồng, nợ cuối kỳ 14.491.636 đồng; ngày 30/9/2017 nợ đầu kỳ 14.491.636 đồng, lãi 351.556 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, phí 10.000 đồng, thanh toán 750.000 đồng, nợ cuối kỳ 14.183.192 đồng; ngày 31/10/2017 nợ đầu kỳ 14.183.192 đồng, lãi 341.288 đồng, phí 20.000 đồng, thanh toán 1.450.000 đồng, nợ cuối kỳ 13.094.480 đồng; ngày 30/11/2017 nợ đầu kỳ 13.094.480 đồng, lãi 327.636 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, phí 10.000 đồng, nợ cuối kỳ 13.512.116 đồng; ngày 31/12/2017 nợ đầu kỳ 13.512.116 đồng, lãi 349.395 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, nợ cuối kỳ 13.941.511 đồng; ngày 31/01/2018 nợ đầu kỳ 13.941.511 đồng, lãi 343.260 đồng, phí trễ hạn 80.000 đồng, phí 20.000 đồng, thanh toán 700.000 đồng, nợ cuối kỳ 13.684.771 đồng; ngày 28/02/2018 nợ đầu kỳ 13.684.771 đồng, lãi 319.542 đồng, phí trễ hạn 120.699 đồng, nợ cuối kỳ 14.125.012 đồng; ngày 31/3/2018 nợ đầu kỳ 14.125.012 đồng, lãi 365.581 đồng, phí trễ hạn 163.074 đồng, nợ cuối kỳ 14.653.667 đồng; ngày 30/4/2018 nợ đầu kỳ 14.653.667 đồng, lãi 549.513 đồng, nợ cuối kỳ 15.203.180 đồng; ngày 30/4/2018 nợ đầu kỳ 14.653.667 đồng, lãi 549.513 đồng, nợ cuối kỳ 15.203.180 đồng; ngày 31/5/2018 nợ đầu kỳ 14.653.667 đồng, lãi 567.830 đồng, nợ cuối kỳ 15.771.009 đồng; ngày 30/6/2018 nợ đầu kỳ 14.653.667 đồng, lãi 549.513 đồng, nợ cuối kỳ 16.320.522 đồng; ngày 31/7/2018 nợ đầu kỳ 14.653.667 đồng, lãi 567.830 đồng, nợ cuối kỳ 16.888.351 đồng; ngày 31/8/2018 nợ đầu kỳ 14.653.667 đồng, lãi 567.830 đồng, nợ cuối kỳ 17.456.181 đồng; ngày 30/9/2018 nợ đầu kỳ 14.653.667 đồng, lãi 549.513 đồng, nợ cuối kỳ 18.005.693 đồng; ngày 31/10/2018 nợ đầu kỳ 14.653.667 đồng, lãi 567.830 đồng, nợ cuối kỳ 18.573.523 đồng; ngày 30/11/2018 nợ đầu kỳ 14.653.667 đồng, lãi 549.513 đồng, nợ cuối kỳ 19.123.035 đồng; Tính đến ngày 04/9/2019 nợ đầu kỳ 14.653.667 đồng, lãi 5.092.149 đồng, nợ cuối kỳ 24.215.186 đồng. Tổng nợ gốc đã thanh toán 11.549.335 đồng, tổng lãi đã thanh toán 12.747.665 đồng. Tổng số tiền chưa thanh toán 24.215.185 đồng, trong đó vốn gốc 14.653.667, lãi quá hạn 9.561.518 đồng.

[4] Do bà D đã vi phạm hợp đồng, nghị cần buộc bà D thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S, khoản vay hạn mức thẻ tín dụng FAMILY bà D còn nợ tính đến ngày 04/9/2019 là 24.215.185 đồng, trong đó vốn gốc 14.653.667 đồng, lãi quá hạn 9.561.518 đồng, bà D còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo hợp đồng từ ngày 05/9/2019 cho đến khi thi hành xong.

Về án phí: Áp dụng các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án. Bà Cao Hoàng Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 429, 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức dụng; các Điều 26, 35, 39, 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Cao Hoàng Mỹ D phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S, số tiền vốn gốc và lãi theo hợp đồng là 24.215.185 đồng (Hai mươi bốn triệu hai trăm mười lăm ngàn một trăm tám mươi lăm đồng), trong đó vốn gốc 14.653.667 đồng, lãi quá hạn 9.561.518 đồng và lãi suất quá hạn theo hợp đồng từ ngày 05/9/2019 cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí: Bà Cao Hoàng Mỹ D phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.210.760 đồng (Một triệu hai trăm mười nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

Trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 481.000 đồng (bốn trăm tám mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008839 ngày 22/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà D vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Phước Thành